

**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH**

Số: 802./QĐ-ĐHDL

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 23 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**V/v ban hành Đề án tuyển sinh đại học năm 2022
của Trường Đại học Điện lực**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC**

Căn cứ Quyết định 4010/QĐ-BCT ngày 06 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công thương quy định chức năng, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Điện lực;

Căn cứ Quyết định 20/QĐ-HĐT ngày 01 tháng 10 năm 2019 của Hội đồng trường Trường Đại học Điện lực ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Điện lực;

Căn cứ Quyết định 39/QĐ-HĐT ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Điện lực về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Điện lực;

Căn cứ Quyết định 1267/QĐ-ĐHDL ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Điện lực về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh năm 2022;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục mầm non;

Căn cứ Biên bản họp số 1029/BB-ĐHDL ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Điện lực về việc thông qua Đề án tuyển sinh đại học năm 2022;

Theo đề nghị của Thường trực Hội đồng tuyển sinh năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Đề án tuyển sinh đại học năm 2022 của trường Đại học Điện lực.

Điều 2. Đề án tuyển sinh đại học năm 2022 có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng các đơn vị: Đào tạo, Trung tâm đào tạo thường xuyên và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ GDĐT (để báo cáo);
- Ban Giám hiệu (để chỉ đạo);
- Các thành viên HĐTS;
- Lưu: VT, ĐT, NgọcDA(05).

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH**



**Q. HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. Đinh Văn Châu**

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2022

I. Thông tin chung

- Tên cơ sở đào tạo:** Trường Đại học Điện lực
- Mã trường:** DDL
- Địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu):**
 - Trụ sở chính: Số 235, Hoàng Quốc Việt, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
 - Cơ sở 2: Xã Tân Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội
- Địa chỉ trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo:** <https://epu.edu.vn/>
- Địa chỉ các trang mạng xã hội của cơ sở đào tạo:** <https://tuyensinh.epu.edu.vn/>
- Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:** 024.22452662
- Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp**

Kết quả khảo sát sinh viên có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp được xác định theo từng ngành đào tạo, được khảo sát ở năm liền kề trước năm 2021, đối tượng khảo sát là sinh viên đã tốt nghiệp ở năm 2020 như sau:

STT	Lĩnh vực /Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số SV trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghiệp	Tỉ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm (%)
1	Kinh doanh và quản lý		800	1.249	246	
1.1	Quản trị kinh doanh	7340101	300	461	66	98
1.2	Thương mại điện tử	7340122	60	139	0	0
1.3	Tài chính - Ngân hàng	7340201	180	232	48	98
1.4	Kế toán	7340301	200	345	132	98
1.5	Kiểm toán	7340302	60	72	0	0
2	Máy tính và công nghệ thông tin		500	530	137	
2.1	Công nghệ thông tin	7480201	500	530	137	98
3	Công nghệ kỹ thuật		2.110	2.467	1.203	
3.1	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	7510102	135	111	44	98
3.2	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	185	257	45	98
3.3	Công nghệ kỹ thuật cơ - điện tử	7510203	215	301	67	98
3.4	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	530	570	699	98
3.5	Công nghệ kỹ thuật điện tử – viễn thông	7510302	220	277	156	98
3.6	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	7510303	460	593	134	98
3.7	Công nghệ kỹ thuật năng lượng	7510403	60	25	0	0
3.8	Công nghệ kỹ thuật môi trường	7510406	60	13	0	0
3.9	Quản lý công nghiệp	7510601	60	73	58	98

STT	Lĩnh vực /Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số SV trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghiệp	Tỉ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm (%)
3.10	Quản lý năng lượng	7510602	60	55	0	0
3.11	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	125	192	0	0
4	Kỹ thuật		160	139	0	
4.1	Kỹ thuật nhiệt	7520115	160	139	0	0
5	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân		70	92	0	
5.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	70	92	0	0
	Tổng		3.640	4.477	1.586	0

8. Thông tin về tuyển sinh chính quy của năm 2020, 2021

Đường link công khai thông tin về tuyển sinh chính quy của năm 2020, 2021 trên trang thông tin điện tử của trường Đại học Điện lực:

Đề án tuyển sinh năm 2020: <https://tuyensinh.epu.edu.vn/chi-tiet-tin/truong-dai-hoc-dien-luc-cong-bo-de-an-tuyen-sinh-trinh-do-dai-hoc-nam-2020-12338.html>

Đề án tuyển sinh năm 2021: <https://tuyensinh.epu.edu.vn/chi-tiet-tin/truong-dai-hoc-dien-luc-cong-bo-de-an-tuyen-sinh-he-dai-hoc-chinh-quy-nam-2021-12363.html>

8.1. Phương thức tuyển sinh của năm 2020 và năm 2021

Trường xét tuyển theo 03 phương thức xét tuyển:

- Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT với 4 tổ hợp xét tuyển A00, A01, D01, D07;
- Xét tuyển theo kết quả học tập THPT với 4 tổ hợp xét tuyển A00, A01, D01, D07;
- Tuyển thẳng theo Điều 8 về đối tượng xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển của Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục mầm non của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GDĐT).

8.2. Điểm trúng tuyển của năm 2020 và năm 2021

STT	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Năm 2020						Năm 2021					
			Kết quả học tập THPT			Điểm thi tốt nghiệp THPT			Kết quả học tập THPT			Điểm thi tốt nghiệp THPT		
			Chỉ tiêu	Điểm chuẩn	Nhập học	Chỉ tiêu	Điểm chuẩn	nhập học	Chỉ tiêu	Điểm chuẩn	Nhập học	Chỉ tiêu	Điểm chuẩn	Nhập học
1	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	45	18,00	29	150	15,00	112	85	19,00	38	130	19,00	263
2	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	40	18,00	43	130	15,00	88	75	20,00	60	110	20,00	197
3	7510102	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	25	18,00	13	100	14,00	70	55	18,00	12	80	16,00	99
4	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	40	18,00	76	160	15,00	122	85	19,00	91	135	21,50	186
5	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	100	19,00	148	380	16,00	420	210	20,50	287	320	22,75	283
6	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	90	18,50	141	330	15,00	274	185	20,00	140	275	21,50	453
7	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	15	18,00	2	45	14,00	19	25	18,00	2	35	16,00	11
8	7510403	Công nghệ kỹ thuật năng lượng	15	18,00	1	45	14,00	25	25	18,00	3	35	16,00	22
9	7480201	Công nghệ thông tin	90	19,00	93	360	16,50	483	200	22,00	201	300	24,25	329
10	7340301	Kế toán	40	18,50	58	160	15,00	179	60	20,00	69	140	22,00	276

STT	Mã ngành	Ngành xét tuyển	Năm 2020						Năm 2021					
			Kết quả học tập THPT			Điểm thi tốt nghiệp THPT			Kết quả học tập THPT			Điểm thi tốt nghiệp THPT		
			Chỉ tiêu	Điểm chuẩn	Nhập học	Chỉ tiêu	Điểm chuẩn	nhập học	Chỉ tiêu	Điểm chuẩn	Nhập học	Chỉ tiêu	Điểm chuẩn	Nhập học
11	7340302	Kiểm toán	15	18,00	7	45	15,00	86	20	20,00	8	40	19,50	64
12	7520115	Kỹ thuật nhiệt	30	18,00	23	120	14,00	119	65	18,00	18	95	16,50	121
13	7510605	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	20	18,00	34	80	14,00	118	50	20,00	56	75	23,50	136
14	7510601	Quản lý công nghiệp	15	18,00	3	45	14,00	64	20	19,00	7	40	17,00	66
15	7510602	Quản lý năng lượng	15	18,00	14	45	14,00	36	25	18,00	22	35	17,00	33
16	7340101	Quản trị kinh doanh	70	19,00	89	280	15,50	231	100	20,00	141	200	22,00	320
17	7340201	Tài chính – Ngân hàng	40	18,00	41	140	15,00	108	60	20,00	39	120	21,50	193
18	7340122	Thương mại điện tử	15	18,00	19	45	14,00	112	20	20,00	44	40	23,50	95
19	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	10	18,00	14	40	15,00	65	30	18,00	19	40	20,00	73
			730		848	2.700		2.731	1.395		1.257	2.245		3.220

9. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo

Đường link công khai danh mục ngành được phép đào tạo trên trang thông tin điện tử của trường Đại học Điện lực: <https://tuyensinh.epu.edu.vn/nganh-dao-tao/dai-hoc-2310.html>

STT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản cho phép mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số quyết định chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành Số quyết định chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ QĐ hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
1	Quản trị kinh doanh	7340101	2070/QĐ-BGDĐT	14/04/2008	1610/ĐH-ĐHĐL	29/11/2017	Bộ GD&ĐT	2008	2021
2	Thương mại điện tử	7340122	29/QĐ-ĐHĐL	09/01/2019			Trường ĐHĐL	2019	2021
3	Tài chính - Ngân hàng	7340201	2070/QĐ-BGDĐT	14/04/2008	1610/QĐ-ĐHĐL	29/11/2017	Bộ GD&ĐT	2008	2021
4	Kế toán	7340301	2070/QĐ-BGDĐT	14/04/2008	1610/QĐ-ĐHĐL	29/11/2017	Bộ GD&ĐT	2008	2021
5	Kiểm toán	7340302	818/QĐ-ĐHĐL	27/06/2018			Trường ĐHĐL	2018	2021
6	Công nghệ thông tin	7480201	155/QĐ-BGDĐT	14/04/2008	1610/QĐ-ĐHĐL	29/11/2017	Bộ GD&ĐT	2008	2021
7	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	7510102	4104/QĐ-BGDĐT	20/09/2013	1610/QĐ-ĐHĐL	29/11/2017	Bộ GD&ĐT	2013	2021
8	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	2070/QĐ-BGDĐT	14/04/2008	1610/QĐ-ĐHĐL	29/11/2017	Bộ GD&ĐT	2008	2021
9	Công nghệ kỹ thuật cơ - điện tử	7510203	2070/QĐ-BGDĐT	14/04/2008	1610/QĐ-ĐHĐL	29/11/2017	Bộ GD&ĐT	2008	2021

STT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản cho phép mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số quyết định chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành Số quyết định chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ QĐ hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
10	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	3058/QĐ-BGDĐT	06/02/2006	1610/QĐ-ĐHĐL	29/11/2017	Bộ GD&ĐT	2006	2021
11	Công nghệ kỹ thuật điện tử – viễn thông	7510302	155/QĐ-BGDĐT	08/01/2007	1610/QĐ-ĐHĐL	29/11/2017	Bộ GD&ĐT	2007	2021
12	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	7510303	155/QĐ-BGDĐT	08/10/2007	1610/QĐ-ĐHĐL	29/11/2017	Bộ GD&ĐT	2007	2021
13	Công nghệ kỹ thuật năng lượng	7510403	106/QĐ-ĐHĐL	25/01/2018			Trường ĐHĐL	2018	2021
14	Công nghệ kỹ thuật môi trường	7510406	107/QĐ-ĐHĐL	25/01/2018			Trường ĐHĐL	2018	2021
15	Quản lý công nghiệp	7510601	3058/QĐ-BGDĐT	21/06/2006	1610/QĐ-ĐHĐL	29/11/2017	Bộ GD&ĐT	2006	2021
16	Quản lý năng lượng	7510602	105/QĐ-ĐHĐL	25/01/2018			Trường ĐHĐL	2018	2021
17	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	110/QĐ-ĐHĐL	25/01/2018			Trường ĐHĐL	2018	2021
18	Kỹ thuật nhiệt	7520115	109/QĐ-ĐHĐL	25/01/2018			Trường ĐHĐL	2018	2021
19	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	439/QĐ-ĐHĐL	08/05/2020			Trường ĐHĐL	2020	2021

10. Điều kiện bảo đảm chất lượng

Đường link công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng trên trang thông tin điện tử của trường Đại học Điện lực: <https://epu.edu.vn/danh-sach-tin/bao-cao-ba-cong-khai-2136-1.html>

11. Đường link công khai Đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của trường Đại học Điện lực: <https://tuyensinh.epu.edu.vn/danh-sach-tin/dai-hoc-2320-1.html>

II. Tuyển sinh đào tạo chính quy

1. Tuyển sinh chính quy đại học

1.1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

- Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam, hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương, tính đến thời điểm xét tuyển;

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định,

1.2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trên cả nước

1.3. Phương thức tuyển sinh:

- Xét tuyển dựa vào kết quả học tập THPT (Học bạ);
- Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của ĐHQG HN;
- Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Tốt nghiệp THPT 2022;
- Xét tuyển thẳng theo quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh:

Tổ hợp xét tuyển:

Tổ hợp A00: Toán, Vật lý, Hóa học

Tổ hợp A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh

Tổ hợp D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh

Tổ hợp D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh

STT	Mã ngành	Tên ngành tuyển sinh	Tổng chỉ tiêu	Chỉ tiêu	
				Kết quả thi tốt nghiệp THPT (dự kiến)	Kết quả học tập THPT (Học bạ) & Kỳ thi ĐGNL của ĐHQG HN (dự kiến)
1	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	500	300	200
2	7510601	Quản lý công nghiệp	60	30	30
3	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	240	150	90

STT	Mã ngành	Tên ngành tuyển sinh	Tổng chỉ tiêu	Chỉ tiêu	
				Kết quả thi tốt nghiệp THPT (dự kiến)	Kết quả học tập THPT (Học bạ) & Kỳ thi ĐGNL của ĐHQG HN (dự kiến)
4	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	460	290	170
5	7480201	Công nghệ thông tin	450	310	140
6	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	60	30	30
7	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	120	80	40
8	7510102	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	140	80	60
9	7520115	Kỹ thuật nhiệt	160	100	60
10	7510605	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	130	80	50
11	7510602	Quản lý năng lượng	60	30	30
12	7510403	Công nghệ kỹ thuật năng lượng	80	50	30
13	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	60	30	30
14	7340301	Kế toán	200	130	70
15	7340101	Quản trị kinh doanh	200	130	70
16	7340201	Tài chính – Ngân hàng	150	100	50
17	7340302	Kiểm toán	60	40	20
18	7340122	Thương mại điện tử	100	60	40
19	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	100	60	40
		Tổng cộng	3330	2080	1250

1.5. Ngưỡng đầu vào

1.5.1. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào:

- Đối với phương thức xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Tốt nghiệp THPT 2022: ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào sẽ được Nhà trường công bố sau khi có kết quả kỳ thi Tốt nghiệp THPT.

- Đối với phương thức xét tuyển bằng kết quả học tập THPT: dựa trên tổ hợp các môn học ở THPT tương ứng với tổ hợp xét tuyển cho từng ngành tại Mục 1.4; thí

sinh có điểm xét tuyển (ĐXT) trong tổ hợp xét tuyển không thấp hơn 18 điểm theo thang điểm 30.

- Đối với phương thức xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQG HN): dựa trên tổ hợp các môn học ở THPT tương ứng với tổ hợp xét tuyển cho từng ngành tại mục 1,4; Thí sinh có điểm đánh giá năng lực (ĐGNL) năm 2022 của Đại học Quốc gia Hà Nội đạt từ 80/150 điểm trở lên.

1.5.2. Điều kiện nhận hồ sơ xét tuyển:

- Người có bằng tốt nghiệp THPT (giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương đối với thí sinh tốt nghiệp từ năm 2021 trở về trước; có giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời đối với thí sinh tốt nghiệp THPT (giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) năm 2022;

- Đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng theo quy định của Trường Đại học Điện lực tại mục 1.5.1.

1.6. Nguyên tắc xét tuyển chung

- Thí sinh đăng ký xét tuyển theo mã ngành/ngành;
- Điểm trúng tuyển xác định theo mã ngành/ngành;
- Không có sự chênh lệch điểm giữa các tổ hợp xét tuyển;
- Xét điểm từ cao xuống thấp cho đến khi hết chỉ tiêu xét tuyển;
- Xét theo mức độ ưu tiên từ cao xuống thấp trong các nguyện vọng đã đăng ký, Nếu đã trúng tuyển nguyện vọng có ưu tiên cao hơn, thí sinh sẽ không được xét các nguyện vọng có mức độ ưu tiên tiếp theo;

- Căn cứ tình hình thực tế, trường có thể áp dụng thêm tiêu chí phụ về thứ tự nguyện vọng trong xét tuyển đối với các trường hợp các thí sinh có tổng điểm xét tuyển bằng với ngưỡng điểm trúng tuyển ở từng phương thức xét tuyển;

- Nếu xét tuyển theo từng phương thức xét tuyển chưa đủ chỉ tiêu, chỉ tiêu còn lại được chuyển sang xét tuyển theo các phương thức xét tuyển sau;

- Điểm xét tuyển theo thang điểm 30 và làm tròn đến hai chữ số thập phân;
- Thí sinh trúng tuyển phải xác nhận nhập học và nhập học trong thời gian quy định theo thông báo của Trường, Quá thời hạn này, thí sinh không xác nhận nhập học và nhập học được xem như từ chối nhập học tại Trường.

1.7. Tổ chức tuyển sinh

1.7.1. Xét tuyển dựa trên kết quả học tập THPT của thí sinh (học bạ THPT)

a. Thời gian nhận hồ sơ:

- Đợt 1: từ 15/02/2022 đến 20/06/2022;
- Đợt bổ sung (nếu có): Nhà trường sẽ thông báo sau khi có kết quả trúng tuyển nhập học đợt 1;

b. Cách thức nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển:

- Hồ sơ xét tuyển gồm: Phiếu đăng ký xét tuyển phương thức học bạ; Bản công chứng học bạ hoặc bảng điểm có xác nhận của trường THPT đến hết học kỳ 1 lớp 12;

Bản công chứng Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân của thí sinh; Lệ phí xét tuyển 100.000đ/thí sinh. (Thí sinh tải mẫu phiếu đăng ký xét tuyển tại cổng thông tin tuyển sinh của Trường <https://tuyensinh.epu.edu.vn/>).

- Hồ sơ nộp trực tiếp tại bộ phận tuyển sinh của Trường hoặc qua đường bưu điện.

c. *Các điều kiện xét tuyển:* Thí sinh có điểm xét tuyển (ĐXT) trong tổ hợp xét tuyển không thấp hơn 18 điểm theo thang điểm 30. Thí sinh đăng ký tối đa 02 nguyện vọng tương ứng với 02 ngành đào tạo.

Cách tính điểm và điểm ưu tiên xét tuyển: Xét kết quả học tập các môn thuộc các tổ hợp xét tuyển (theo ngành) của năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12.

ĐXT = (ĐTB Môn 1 + ĐTB Môn 2 + ĐTB Môn 3) + ĐUT (nếu có)

$ĐTB \text{ Môn } 1 = (ĐTB \text{ cả năm lớp } 10 \text{ Môn } 1 + ĐTB \text{ cả năm lớp } 11 \text{ Môn } 1 + ĐTB \text{ kỳ } 1 \text{ lớp } 12 \text{ Môn } 1) / 3;$

$ĐTB \text{ Môn } 2 = (ĐTB \text{ cả năm lớp } 10 \text{ Môn } 2 + ĐTB \text{ cả năm lớp } 11 \text{ Môn } 2 + ĐTB \text{ kỳ } 1 \text{ lớp } 12 \text{ Môn } 2) / 3;$

$ĐTB \text{ Môn } 3 = (ĐTB \text{ cả năm lớp } 10 \text{ Môn } 3 + ĐTB \text{ cả năm lớp } 11 \text{ Môn } 3 + ĐTB \text{ kỳ } 1 \text{ lớp } 12 \text{ Môn } 3) / 3;$

(ĐXT: Điểm xét tuyển; ĐTB: Điểm trung bình; ĐUT: Điểm ưu tiên)

Nhà trường cập nhật và thông báo kết quả sơ tuyển đợt 1 trên trang Web tuyển sinh trước ngày 21/07/2022.

1.7.2. Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQG HN)

a. *Thời gian nhận hồ sơ:*

- Đợt 1: từ 01/03/2022 đến 20/06/2022;

- Đợt bổ sung (nếu có): Nhà trường sẽ thông báo sau khi có kết quả trúng tuyển nhập học đợt;

b. *Cách thức nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển:*

- Hồ sơ xét tuyển gồm: Phiếu đăng ký xét tuyển phương thức ĐGNL; Bản công chứng kết quả bài thi ĐGNL của ĐHQG HN; Bản công chứng Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân của thí sinh; Lệ phí xét tuyển 100.000đ/thí sinh, (Thí sinh tải mẫu phiếu đăng ký xét tuyển tại cổng thông tin tuyển sinh của Trường: <https://tuyensinh.epu.edu.vn/>).

- Hồ sơ nộp trực tiếp tại bộ phận tuyển sinh của Trường hoặc qua đường bưu điện.

c. *Các điều kiện xét tuyển:* Thí sinh có điểm đánh giá năng lực (ĐGNL) năm 2022 của Đại học Quốc gia Hà Nội đạt từ 80/150 điểm trở lên, Điểm xét tuyển (ĐXT) được quy về thang điểm 30 như sau:

ĐXT = Điểm ĐGNL * 30/150 + ĐUT

1.7.3. Xét tuyển dựa vào kết quả của thí sinh trong kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022 do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức

a. *Thời gian nhận hồ sơ:* Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Điện lực, Thí sinh có thể thực hiện đăng ký xét tuyển theo các phương thức sau:

- Đợt 1: Thí sinh dự tuyển đợt 1 đào tạo chính quy (bao gồm cả những thí sinh đã dự tuyển theo kế hoạch xét tuyển bằng phương thức tại mục 1.7.1 và 1.7.2 của Trường) thực hiện

đăng ký xét tuyển trên hệ thống (qua Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia) theo kế hoạch chung và hướng dẫn của Bộ GDĐT.

- Đợt bổ sung (nếu có): Nhà trường sẽ thông báo sau khi có kết quả xét tuyển đợt 1, thông tin sẽ được cập nhật trên cổng thông tin tuyển sinh của Trường Đại học Điện lực <https://tuyensinh.epu.edu.vn/>.

b. *Cách thức nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển*: thực hiện đăng ký xét tuyển trên hệ thống (qua Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia) theo kế hoạch chung và hướng dẫn của Bộ GDĐT.

c. *Các điều kiện xét tuyển*: Thí sinh đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo ngành xét tuyển của Trường năm 2022.

ĐXT = Tổng điểm thi 3 môn tốt nghiệp THPT theo tổ hợp các môn xét tuyển + ĐUT

1.7.3. Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQG HN)

a. *Thời gian nhận hồ sơ*:

- Đợt 1: từ 01/03/2022 đến 20/06/2022;

- Đợt bổ sung (nếu có): Nhà trường sẽ thông báo sau khi có kết quả xét tuyển đợt 1.

b. *Cách thức nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển*:

- Hồ sơ xét tuyển gồm: Phiếu đăng ký xét tuyển phương thức ĐGNL; Bản công chứng kết quả bài thi ĐGNL của ĐHQG HN; Bản công chứng Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân của thí sinh; Lệ phí xét tuyển 100.000đ/thí sinh. (Thí sinh tải mẫu phiếu đăng ký xét tuyển tại cổng thông tin tuyển sinh của Trường: <https://tuyensinh.epu.edu.vn/>).

- Hồ sơ nộp trực tiếp tại bộ phận tuyển sinh của Trường hoặc qua đường bưu điện.

c. *Các điều kiện xét tuyển*: Thí sinh có điểm đánh giá năng lực (ĐGNL) năm 2022 của Đại học Quốc gia Hà Nội đạt từ 80/150 điểm trở lên. Điểm xét tuyển (ĐXT) được quy về thang điểm 30 như sau:

$$\text{ĐXT} = \text{Điểm ĐGNL} * 30/150 + \text{ĐUT}$$

1.7.4. Xét tuyển thẳng

Tuyển thẳng theo Điều 8 về đối tượng xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển của Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục mầm non của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.8. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí

(ĐVT: đồng/tháng)

TT	Khối ngành	Năm học			
		2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023 - 2024
1	Khối Kinh tế	1.300.000	1.430.000	1.430.000	Nếu có thay đổi mức học phí thì mức thay đổi không quá $\pm 10\%$ so với năm trước.
2	Khối Kỹ thuật	1.450.000	1.595.000	1.595.000	Nếu có thay đổi mức học phí thì mức thay đổi không quá $\pm 10\%$ so với năm trước.

1.9. Tài chính

1.9.1. Tổng nguồn thu hợp pháp dự kiến theo năm của trường: 258.641.730.971đ

1.9.2. Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh: 15.125.000đ

2. Tuyển sinh đào tạo đại học chính quy với đối tượng tốt nghiệp từ cao đẳng trở lên

2.1. Tuyển sinh liên thông từ cao đẳng lên đại học bằng hình thức đào tạo chính quy

2.1.1. Đối tượng tuyển sinh

- Tuyển sinh sinh viên tốt nghiệp hệ cao đẳng, cao đẳng nghề của ngành tuyển sinh hoặc ngành gần với ngành tuyển sinh của tất cả các trường trên địa bàn cả nước.
- Đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành của Bộ Y tế và Bộ GDĐT;
- Không trong thời gian thi hành án hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- Nộp đầy đủ, đúng hạn hồ sơ tuyển sinh và thực hiện đúng các quy định của Trường về tuyển sinh.

2.1.2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trên cả nước

2.1.3. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển thông qua kết quả học tập văn bằng ở hệ cao đẳng, cao đẳng nghề ngành đào tạo thuộc nhóm ngành đã được phân chia theo đề án triển khai đào tạo liên thông của Nhà trường và theo chỉ tiêu tuyển sinh của ngành tuyển sinh.

2.1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh:

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu dự kiến	Số văn bản quy định	Ngày, tháng, năm ban hành văn bản	CQ cấp phép	Năm bắt đầu ĐT
1	7510301	Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử	50	1435/QĐ-ĐHĐL	24/08/2018	ĐHĐL	2018

2.1.5. Thời gian nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển: từ 10/03/2022 đến 31/10/2022.

2.1.6. Hồ sơ đăng ký xét tuyển

- Phiếu đăng ký xét tuyển liên thông chính quy năm 2022;
- 01 Bản sao công chứng Bằng tốt nghiệp (hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp) cao đẳng;
- 02 Bản sao công chứng bảng điểm hệ cao đẳng. Nếu thí sinh tốt nghiệp hệ cao đẳng liên thông phải gửi kèm bảng điểm hệ trung cấp;
- Lệ phí tuyển sinh: 300.000đ/1 thí sinh.

Kết quả xét tuyển dự kiến sẽ công bố trước ngày 15/11/2022. Kết quả xét tuyển sẽ được công bố trên trang Web của trường Đại học Điện lực www.epu.edu.vn và trên cổng thông tin tuyển sinh của trường Đại học Điện lực www.tuyensinh.epu.edu.vn

2.1.7. Tổ chức đào tạo

- Đào tạo tập trung, liên tục tại Trường, học theo phương thức tín chỉ và đề án đào tạo liên thông hiện hành của Trường.

- Trường sẽ mở lớp riêng nếu có ít nhất 20 thí sinh trúng tuyển nhập học; Trường hợp có ít thí sinh trúng tuyển nhập học thì người học sẽ được biên chế học cùng với chính quy dài hạn.

- Văn bằng tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp đại học hình thức đào tạo chính quy.

2.2. Tuyển sinh trình độ đại học đối với người đã có bằng tốt nghiệp đại học hình thức đào tạo chính quy (văn bằng 2 chính quy)

2.2.1. Đối tượng tuyển sinh:

- Người đã có bằng tốt nghiệp đại học các ngành đào tạo thuộc nhóm ngành khoa học tự nhiên, kỹ thuật, công nghệ, kinh tế. Các nhóm ngành còn lại được xem xét khi nộp hồ sơ.

- Đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành của Bộ Y tế và Bộ GDĐT;

- Không trong thời gian thi hành án hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Nộp đầy đủ, đúng hạn hồ sơ tuyển sinh và thực hiện đúng các quy định của Trường về tuyển sinh.

2.2.2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trên cả nước

2.2.3. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển thông qua kết quả học tập văn bằng đại học thứ nhất của thí sinh ở các ngành đào tạo thuộc nhóm ngành đã được phân chia theo đề án triển khai đào tạo Văn bằng 2 của Nhà trường và theo chỉ tiêu tuyển sinh của ngành tuyển sinh.

2.2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh:

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu dự kiến	Số văn bản quy định	Ngày. tháng. năm ban hành văn bản	CQ cấp phép	Năm bắt đầu ĐT
1	7510301	Công nghệ Kỹ thuật điện. điện tử	50	1446/QĐ-ĐHĐL	24/08/2018	ĐHĐL	2018

2.2.5. Thời gian nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển: từ 10/03/2022 đến 31/10/2022;

2.2.6. Hồ sơ đăng ký xét tuyển

- Phiếu đăng ký xét tuyển liên thông chính quy năm 2022;

- Bản sao công chứng Bằng tốt nghiệp (hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp) đại học văn bằng thứ nhất;

- 02 Bản sao công chứng bảng điểm đại học văn bằng thứ nhất;

- Lệ phí tuyển sinh: 300.000đ/1 thí sinh.

Kết quả xét tuyển dự kiến sẽ công bố trước ngày 15/11/2022. Kết quả xét tuyển sẽ được công bố trên trang Web của trường Đại học Điện lực www.epu.edu.vn và trên cổng thông tin tuyển sinh của trường Đại học Điện lực www.tuyensinh.epu.edu.vn

2.2.7. Tổ chức đào tạo

- Đào tạo tập trung, liên tục tại Trường, học theo phương thức tín chỉ và đề án đào tạo liên thông hiện hành của Trường.

- Trường sẽ mở lớp riêng nếu có ít nhất 20 thí sinh trúng tuyển nhập học; Trường hợp có ít thí sinh trúng tuyển nhập học thì người học sẽ được biên chế học cùng với chính quy dài hạn.

- Văn bằng tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp đại học, hình thức đào tạo chính quy.

III. Tuyển sinh đào tạo vừa học vừa làm: (Mẫu số 01)

Đường link công khai tuyển sinh đào tạo vừa học vừa làm trên trang thông tin điện tử:
<http://tuyensinh.epu.edu.vn/danh-sach-tin/vua-hoc-vua-lam-2323-1.html> ✓

Cán bộ kê khai:

- ĐHCQ: TS. Trịnh Văn Toàn
Trưởng phòng Đào tạo
- ĐHVHVL: TS. Phạm Văn Hải
Giám đốc Trung tâm đào tạo thường xuyên

Hà Nội, ngày 23 tháng 6 năm 2022

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CHỦ TỊCH



[Signature]

Q. HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. ĐÌNH VĂN CHÂU

TRƯỜNG

[Signature]